



Tăng cường liên kết giữa các địa phương, các vùng để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu nhằm tạo không gian phát triển thống nhất trong vùng và cả nước, cũng như khắc phục tình trạng sử dụng các nguồn lực tự nhiên kém hiệu quả, manh mún là nhiệm vụ quan trọng đã được Đảng và Nhà nước ta đặt ra trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, qua đánh giá thực tiễn cho thấy, mặc dù đã được nhiều địa phương quan tâm, chú trọng, song việc thực hiện liên kết địa phương, vùng trong vấn đề này còn bộc lộ nhiều hạn chế.



TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT GIỮA CÁC ĐỊA PHƯƠNG, VÙNG TRONG SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ngọc Linh

Nhiều tồn tại trong liên kết địa phương, vùng về sử dụng tài nguyên

Đối với tài nguyên nước

Tài nguyên nước của Việt Nam khá phong phú, lượng mưa trung bình vào loại cao, khoảng 2.000 mm/năm. Không chỉ có vai trò thiết yếu trong đời sống con người, nước còn đóng góp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội khi đưa ngành nông nghiệp ngày càng phát triển, giúp Việt Nam đứng vào nhóm các nước dẫn đầu về xuất khẩu gạo, nông sản trong khu vực và trên thế giới, đồng thời đảm bảo an ninh

lương thực cho xã hội. Theo số liệu ước tính, nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng, chiếm tỷ lệ khoảng 70% lượng nước sử dụng. Bên cạnh đó, nước còn đóng vai trò quyết định trong sự tăng trưởng các sản phẩm cây công nghiệp, như: Chè, cà phê, hồ tiêu, mía đường, cao su... Trong điều kiện nhu cầu về năng lượng không ngừng gia tăng, nước còn tạo ra năng lượng điện để cung cấp cho hoạt động của toàn bộ nền kinh tế.

Tuy nhiên, với sự phát triển đô thị, công nghiệp hóa nhanh,

nhu cầu về nước của Việt Nam liên tục tăng qua các năm trong khi trữ lượng nước có sự thay đổi theo vùng, theo năm, theo mùa và chịu ảnh hưởng không nhỏ của biến đổi khí hậu, đã khiến cho tình trạng khan hiếm nước ở nước ta ngày càng tăng. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, khu vực Bắc Trung bộ hiện có dòng chảy sông, suối phổ biến thấp hơn trung bình nhiều năm cùng kỳ từ 35-60%, một số sông thiếu hụt trên 70%, như: Sông Mã (Thanh Hóa), sông Cả (Nghệ An). Hiện tại, dung tích các hồ chứa thủy lợi ở khu vực này trung bình



đạt từ 30-60% dung tích thiết kế, ở mức thấp hơn so với một số năm gần đây, đã có 55 hồ nhỏ cạn nước. Ở khu vực Nam Trung bộ, dòng chảy sông, suối phổ biến cũng thiếu hụt so với trung bình cùng kỳ nhiều năm. Mức nước một số sông đã xuống mức thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc lịch sử (sông Thu Bồn, sông Trà Khúc), dung tích các hồ chứa thủy lợi trung bình đạt từ 25-55% dung tích thiết kế, chỉ cao hơn năm 2016 khoảng 6%, hiện có 281/520 hồ nhỏ đã cạn nước. Bên cạnh đó, xâm nhập mặn đã gây ra tình trạng thiếu nước ngọt cho khoảng 5.800 ha cây trồng ở Trung bộ. Cả nước hiện có gần 114.000 hộ bị thiếu nước sinh hoạt. Dự báo, nếu nắng nóng gay gắt tiếp tục xảy ra đến cuối mùa khô, tổng cộng sẽ có khoảng 65.500 ha; trong đó, lúa 55.400 ha, cây hàng năm 10.100 ha bị hạn hán, thiếu nước trong năm nay.

Trước tình trạng trên, việc liên kết trong quản lý tài nguyên nước,

đặc biệt là quản lý tổng hợp theo lưu vực sông là một yêu cầu cần thiết và hiện đã được đẩy mạnh, thể chế hóa bằng những quy định cụ thể.

Từ năm 2008, việc tổ chức điều phối lưu vực sông đã được quy định chi tiết, đồng thời phân rõ trách nhiệm phối hợp quản lý lưu vực sông của các bộ, ngành, địa phương. Luật Tài nguyên nước năm 2012 cũng cụ thể hóa 6 nhóm hoạt động trên lưu vực sông phải được điều phối, giám sát ở cấp toàn lưu vực. Tiếp đó, đến năm 2017, "Quy hoạch tài nguyên nước chung của cả nước" được phê duyệt đã tạo cơ sở để các địa phương xây dựng phương án liên kết sử dụng tài nguyên nước hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, một số mô hình liên kết quản lý lưu vực sông đã được thành lập như: Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực sông, Ban quản lý quy hoạch lưu vực sông (sông Hồng - Thái Bình, sông Đồng Nai, sông Cửu Long...), Hội đồng Quản lý lưu vực sông (sông Srêpôk và sông Că) và Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực sông (sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy và sông Đồng Nai).

Tuy nhiên, trên thực tế việc liên kết giữa các địa phương, vùng trong sử dụng tài nguyên nước còn tồn tại không ít hạn chế. Trước hết, hệ thống văn bản pháp luật về phân cấp trong quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước còn chồng chéo, trùng lặp; giữa các đơn vị quản lý cũng còn thiếu sự phân định rõ ràng về trách nhiệm cụ thể và cơ chế phối hợp. Chất lượng, hiệu quả hoạt động các tổ chức lưu vực sông trong những năm qua còn hạn chế, chưa có tính phối hợp trong lưu vực sông giữa các địa phương. Mặc dù thời gian thực hiện "Quy hoạch tài nguyên nước chung của cả nước" là giai đoạn 2017-2019,

song đến nay Quy hoạch vẫn chưa được triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước, chủ yếu mới thực hiện quy hoạch tài nguyên nước cấp tỉnh. Đáng chú ý là cơ chế hợp tác, chia sẻ nguồn nước giữa các địa phương, vùng chưa hiệu quả, đã xuất hiện một số mâu thuẫn trong sử dụng nguồn nước giữa các địa phương do nguy cơ cạn kiệt nguồn nước bởi sự phân bố lượng nước không đồng đều theo mùa, sự suy giảm chất lượng nguồn nước do ô nhiễm, cùng với sự phân chia lợi ích sử dụng tài nguyên nước cho phát triển thủy điện và sử dụng nước cho các mục đích sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt thiếu cân bằng. Điển hình là những xung đột trong khai thác sử dụng tài nguyên nước giữa các vùng núi cao đầu nguồn và vùng hạ nguồn (Tây Nguyên với Duyên hải Nam Trung Bộ, Trung du miền núi phía Bắc với các tỉnh Đồng bằng sông Hồng...).

Đối với tài nguyên đất

Đất là nguồn tài nguyên, tài sản quan trọng của quốc gia và đang dần trở thành nguồn lực, nguồn vốn cho phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, năm 2013, Luật Đất đai mới được thông qua thay thế Luật Đất đai năm 2003, đã giúp công tác quản lý nhà nước về đất đai có chuyển biến tích cực, đất đai được sử dụng hợp lý, đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả hơn; quy hoạch sử dụng đất chú trọng phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất, phù hợp với điều kiện của từng vùng. Liên kết trong sử dụng tài nguyên đất ở các vùng đã bước đầu được hình thành.

Mặc dù vậy, theo các chuyên gia, cho đến nay pháp luật về đất đai vẫn chưa có quy định hướng dẫn

chi tiết nào về liên kết giữa các địa phương trong quy hoạch sử dụng đất. Việc liên kết vùng trong quy hoạch sử dụng đất cũng chưa được đề cập như một nội dung bắt buộc trong việc đánh giá và lập các quy hoạch. Cùng với đó, phân bố không gian sử dụng đất thiếu thống nhất giữa các tỉnh, vùng; thiếu tính liên kết ngay từ khâu xác định mục tiêu ưu tiên quỹ đất cho phát triển dẫn đến tình trạng sử dụng đất dàn trải cho cùng một mục đích sử dụng (các khu công nghiệp, đất xây dựng khu sân bay, cảng biển...), gây ra tình trạng sử dụng đất lãng phí, kém hiệu quả và có sự lấn chiếm, tranh chấp.

Theo Tổng cục Quản lý đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường), tính đến hết tháng 7/2019, tổng số công ty nông, lâm nghiệp và chi nhánh sau rà soát là 246 công ty với diện tích giữ lại là gần 1,9 triệu ha tại 45 tỉnh, thành phố. Trong đó, có hơn 190.000 ha đất nông, lâm nghiệp đang lấn chiếm, có tranh chấp cần được xử lý. Mặt khác, hiện vẫn còn không ít khu công nghiệp được phê duyệt, xây dựng song bị bỏ hoang, không đi vào hoạt động. Ví dụ như, tại thời điểm cuối năm 2018, các KCN Hoàng Mai 1; Cụm Công nghiệp Na Khứu (tỉnh Nghệ An); KCN Đại Kim thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo (Hà Tĩnh) phần lớn bị bỏ hoang.

Đồng thời, việc chuyển đổi đất lâm nghiệp sang đất sản xuất nông nghiệp hay chuyển đổi đất nông nghiệp sang phát triển các đô thị, KCN diễn ra khá phổ biến ở nhiều địa phương. Thậm chí một số tỉnh chuyển đổi cả diện tích đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng sang sử dụng mục đích khác, đặc biệt là các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên. Bên cạnh hiệu quả về kinh tế do việc chuyển đổi mục đích sử dụng

đất rừng đem lại thì hệ lụy về môi trường như xói mòn rửa trôi, cũng như gia tăng ảnh hưởng suy giảm nguồn nước nghiêm trọng cho các địa phương vùng hạ du.

Điều đáng nói hiện nay là việc xây dựng các khu liên hợp xử lý chất thải phục vụ liên tỉnh, cấp vùng, liên đô thị và đô thị cũng như xây dựng khu xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại quy mô cấp vùng chưa được thực hiện. Theo báo cáo của Sở TNMT các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương, lượng chất thải nguy hại phát sinh trên toàn quốc khoảng 800 ngàn tấn/năm. Tuy nhiên, hầu hết các khu chôn lấp, xử lý chất thải mới chỉ thực hiện ở quy mô cấp tỉnh với công nghệ lạc hậu.

Đối với tài nguyên biển

Việt Nam nằm bên bờ Biển Đông, có đường bờ biển dài trên 3.260 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng khoảng 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền. Không chỉ giàu tài nguyên khoáng sản (như dầu khí, quặng titan...), biển Việt Nam còn cho nguồn lợi hải sản lớn với 110 loài cá kinh tế (trích, thu, ngừ, bạc má, hồng, v.v...), tổng trữ lượng cá biển khoảng 3 - 3,5 triệu tấn và khả năng khai thác cho phép là trên một triệu tấn mỗi năm. Quan trọng hơn, nhiều tỉnh, thành phố đã sử dụng, khai thác giá trị tài nguyên thiên nhiên biển để phát triển du lịch, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta. Hoạt động du lịch biển, đảo hiện chiếm khoảng 70% hoạt động của ngành du lịch cả nước. Đến nay Việt Nam đã hình thành 3 trung tâm du lịch biển có sức hút với khách quốc tế, gồm vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Đà Nẵng, Nha Trang (Khánh Hòa) với những cơ sở lưu trú hiện đại 4-5 sao.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, trong thời gian vừa qua, chính sách

pháp luật về tài nguyên môi trường biển có những bước tiến quan trọng, đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhằm thể chế hóa cơ chế phối hợp trong việc quản lý biển, như Nghị định số 25/2009/NĐ-CP về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo. Các mô hình quản lý tổng hợp biển, hải đảo, đặc biệt các chương trình cũng đã được hình thành, góp phần giải quyết có hiệu quả các vấn đề liên quan đến khai thác, sử dụng, phòng ngừa thiên tai và bảo vệ, duy trì những chức năng sinh thái học của biển.

Tuy nhiên, nguồn lợi thủy sản nói chung, nguồn lợi hải sản nói riêng hiện đang trong tình trạng suy giảm bởi sản lượng khai thác hiện nay đã vượt qua trữ lượng cho phép. Theo Tổng cục Thủy sản, số lượng tàu thuyền khai thác thủy sản cả nước tính đến cuối năm 2017 là 109 nghìn chiếc và có xu hướng tăng. Trong đó, số lượng tàu thuyền khai thác ven bờ là rất lớn với các nghề đánh bắt cả con non, chưa trưởng thành, phá hủy nền đáy biển môi trường sống của các loài... Bên cạnh đó, tài nguyên khoáng sản biển, tài nguyên dầu khí và những nguồn tài nguyên biển không tái tạo khác đang bị khai thác quá mức, thiếu tính bền vững. Theo báo cáo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), sản lượng khai thác dầu trong nước năm 2018 đạt 12 triệu tấn, vượt 675 nghìn tấn, tương đương 6% so với kế hoạch Chính phủ giao đầu năm. Tuy nhiên năm 2018 là năm thứ ba liên tiếp công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí gặp nhiều khó khăn do nguồn tài nguyên đang dần bị cạn kiệt.

Sự hạn chế trong liên kết giữa các địa phương về sử dụng tài nguyên biển được cho là một trong những nguyên nhân của

tình trạng trên. Cụ thể, các cơ chế, chính sách về liên kết, phối hợp giữa các địa phương, các cấp quản lý còn thiếu thực chất và hiệu quả. Sự tham gia, phối hợp giữa các địa phương với nhau chưa đồng bộ và thiếu chiều sâu. Theo Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, việc củng cố quy hoạch và quản lý đa ngành, liên tỉnh, liên vùng thông qua xây dựng quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng biển đến nay chưa được thực hiện triệt để. Vẫn còn có sự chồng lấn, mâu thuẫn về quyền sử dụng và quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển giữa các ngành, địa phương với nhau. Còn thiếu các văn bản quan trọng về phân định ranh giới quản lý biển, phần biển ven bờ giữa các địa phương (tỉnh, huyện, xã)...

Ngoài ra, sự phối hợp giám sát tác động ô nhiễm từ các lưu vực sông đến môi trường, các hệ sinh thái biển và vùng cửa sông, ven biển cũng như sinh kế của người dân ven biển chưa được quan tâm thực hiện. Thiếu sự liên kết trong quản lý và khai thác có hiệu quả vùng ven biển vốn là vùng chồng lấn nhiều lợi ích giữa các ngành như khu công nghiệp, du lịch, cảng biển, nuôi trồng, đánh bắt hải sản....

Bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu - chung tay nhưng chưa hiệu quả

Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ cả về kinh tế, xã hội, theo đó, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa cũng đang làm gia tăng các vấn đề môi trường. Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cho thấy tình trạng lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật đang là vấn đề

đáng lo ngại, khi mỗi năm Việt Nam sử dụng 100.000 tấn thuốc, tác động không nhỏ tới môi trường. Còn theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, ở nước ta mỗi năm phát sinh hơn 23 triệu tấn rác thải sinh hoạt, hơn 7 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp, hơn 630.000 tấn chất thải nguy hại trong khi việc xử lý chất thải, nước thải còn rất hạn chế. Thêm vào đó, vấn đề xử lý nước thải tại các khu kinh tế, khu công nghiệp cũng chưa được quan tâm đúng mức. Tính riêng Khu vực phía Bắc có 11 KKT ven biển và 16 KKT cửa khẩu, hoạt động công nghiệp chủ yếu phát triển mạnh ở khu vực Đồng bằng sông Hồng với 92 KCN đang hoạt động ngoài KKT và 10 KCN hoạt động trong KKT. Tính đến hết năm 2018, có 79 KCN đã và đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tuy nhiên, có không ít KCN bị phát hiện hành vi xử lý nước thải không đạt quy chuẩn, xả thải gây ô nhiễm môi trường như KCN Khánh Phú (Ninh Bình), KCN Thụy Vân (Phú Thọ), KCN Phố Nối (Hưng Yên)... Phần lớn các KCN chưa lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động theo quy định. Ngoài ra, vấn đề môi trường tại các cơ sở sản xuất nhỏ, các làng nghề vẫn đang bị xem nhẹ. Thực trạng trên đang khiến cho môi trường nước ta bị ô nhiễm nặng nề, đặc biệt tại các thành phố lớn.

Với hệ sinh thái tự nhiên của Việt Nam đang ngày càng thu hẹp như hiện nay thì bảo vệ môi trường được xác định rõ không chỉ là vấn đề riêng của mỗi địa phương mà rất cần sự liên kết giữa các địa phương và vùng. Trong thời gian qua, sự liên kết giữa các địa phương về phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục sự cố môi trường đã được thể chế hóa trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Cùng với đó, việc thực hiện

các quy định, công cụ, biện pháp, mô hình liên kết, hợp tác trong bảo vệ môi trường đã được đẩy mạnh. Các vấn đề môi trường liên tỉnh, liên vùng đã được dự báo và phòng ngừa thông qua việc thực hiện đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh và vùng.

Đặc biệt, một số địa phương đã chủ động hợp tác với các tỉnh lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm lưu vực sông, khai thác sử dụng các nguồn nước liên tỉnh, tham gia tích cực trong bảo vệ và phát triển hệ thống rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, bảo vệ môi trường khai thác và chế biến khoáng sản... góp phần phòng ngừa, hạn chế, làm giảm sự gia tăng ô nhiễm, suy thoái tài nguyên, giảm tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu trên phạm vi cả nước.

Ngoài ra, các cơ quan bảo vệ môi trường cấp vùng, liên tỉnh được thành lập như: Cục bảo vệ môi trường miền Bắc, Cục bảo vệ môi trường miền Nam, Cục bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên; Ủy ban bảo vệ môi trường lưu vực sông... Qua đó xác định cụ thể mô hình quản lý, giám sát với mục tiêu liên kết cả theo chiều dọc và chiều ngang trong bảo vệ môi trường, khắc phục tính chia cắt theo địa giới hành chính đối với công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước.

Nhiều chương trình, đề án, dự án phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường quy mô liên tỉnh, liên vùng cũng được xây dựng và triển khai như: Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông (sông Cầu; sông Nhuệ - Đáy; sông Đồng Nai); Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến năm 2020...

Đối với vấn đề biến đổi khí hậu, theo số liệu tại Hội thảo Công tác xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội vừa diễn ra vào tháng 9/2019, hiện Việt Nam là một trong 5 quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Dưới tác động của biến đổi khí hậu, chỉ trong 10 năm gần đây, các loại thiên tai như: Bão, lũ, sạt lở đất, úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn... đã gây thiệt hại to lớn, làm chết và mất tích hơn 9.500 người, thiệt hại về tài sản ước tính 1,5% GDP mỗi năm. Đây là nguy cơ hiện hữu đối với mục tiêu xoá đói giảm nghèo, mục tiêu thiên niên kỷ và mục tiêu phát triển bền vững. Chỉ tính riêng năm 2018, thiên tai đã xảy ra liên tiếp trên các vùng miền trong cả nước với 13 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, 212 trận dông, lốc sét; 14 trận lũ quét, sạt lở đất; xuất hiện 4 đợt rét đậm, rét hại; 11 đợt nắng nóng, 23 đợt không khí lạnh; 30 đợt mưa lớn trên diện rộng... Năm 2019, dự báo tình hình thiên tai tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khốc liệt hơn 2018 với các đợt nắng nóng kỷ lục ở miền Bắc; mưa lũ tại các tỉnh miền Trung. Trước những thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra thì sự liên kết giữa các địa phương để ứng phó tình trạng này là rất cần thiết.

Để ứng phó với biến đổi khí hậu, công tác liên kết địa phương, vùng đã được thể chế hóa, thể hiện ở một loạt các văn bản: Chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu theo Quyết định 158/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu được phê duyệt năm 2011; Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2015; Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020...

Hoạt động liên kết giữa các địa phương trong ứng phó với biến đổi khí hậu được triển khai cụ thể thông qua các chương trình, dự án hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế. Qua đó, bước đầu đã xây dựng được mạng lưới liên kết một số tỉnh nằm trong chương trình, dự án; xây dựng được kế hoạch ứng phó với thiên tai và ĐCKH phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái và kinh tế xã hội của từng tỉnh; lập kế hoạch và nội dung liên kết giữa một số tỉnh về nhiều nội dung ứng phó với ĐCKH (chủ yếu ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long)...

Bên cạnh các kết quả trên thì sự liên kết các địa phương trong bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu vẫn còn nhiều vướng mắc cần sớm giải quyết. Cụ thể, việc xây dựng cơ chế, chính sách hay các giải pháp tổng thể theo quan điểm lập quy hoạch bảo vệ môi trường cho các vùng, các lưu vực sông quan trọng hiện còn gặp khó khăn trong việc xác định cơ sở pháp lý và vị trí của quy hoạch. Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã có hướng dẫn quy hoạch bảo vệ môi trường, nhưng mới dừng ở mức độ thử nghiệm ở một số địa phương, vùng. Hệ thống chính sách, pháp luật về phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai chưa đồng bộ, đầy đủ, còn phân tán và chồng chéo, một số nội dung còn bất cập cũng như còn thiếu các quy định cụ thể để giải quyết các vấn đề liên vùng trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, việc giám sát thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường liên tỉnh, liên vùng chưa triệt để. Việc tổ chức thực hiện các hoạt động ngăn ngừa và xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường còn đơn phương, chưa thực sự gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội;

thiếu sự phối hợp chặt chẽ liên ngành, liên vùng, sự quản lý thống nhất, mang tính hệ thống.

Hiện nay một số chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu vẫn chưa thể hiện được tính liên kết địa phương và vùng. Hơn nữa, trong xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của các địa phương, đa phần mới chỉ tính đến việc huy động tối đa nguồn lực và cơ chế vận hành của các sở, ban, ngành địa phương mà chưa chú trọng tới lợi ích từ việc liên kết giữa các địa phương, vùng mang lại.

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thực hiện tăng trưởng xanh và hướng đến phát triển bền vững. Do đó, các vấn đề tồn tại trên cần nhanh chóng được giải quyết thông qua việc triển khai một số giải pháp chủ yếu như: Nâng cao nhận thức về liên kết địa phương, vùng trong sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; Tăng cường sự tham gia của các địa phương và lồng ghép nội dung cũng như tăng cường nguồn lực trong thực hiện liên kết sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch vùng...

Bên cạnh đó, với việc hội nhập kinh tế khu vực và thế giới của Việt Nam ngày càng mạnh mẽ cả chiều rộng và chiều sâu, quy mô của nền kinh tế ngày càng mở rộng, cơ chế, chính sách ngày càng đổi mới, tạo điều kiện tốt nhất cho phát triển kinh tế - xã hội trong nước cũng là những cơ hội để liên kết địa phương, vùng trong sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được thực hiện một cách hiệu quả./.